

ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN MINH BA TƯ THỜI KỲ ĐẾ QUỐC SASANIAN ĐẾN HÀN QUỐC THỜI KỲ VƯƠNG QUỐC SILLA (THẾ KỶ I – X)

*THE INFLUENCE OF PERSIAN CIVILIZATION DURING THE SASANIAN EMPIRE
ON KOREA DURING THE SILLA KINGDOM (1st – 10th CENTURY)*

TRẦN TÙNG NGỌC^(*)

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 06-02-2025 Ngày biên tập xong: 07-3-2025 Ngày duyệt đăng: 22-3-2025 Mã số: TCKH50-04-2025 ISSN: 2525 – 2429</p> <p>Từ khóa: văn minh Ba Tư; văn hóa Hàn Quốc; lịch sử Hàn Quốc; Sasanian; Silla. Key words: Persian civilization; Korean culture; Korean history; Sasanian; Silla.</p>	<p><i>Văn minh Ba Tư thời Sasanian (224-651) là một giai đoạn quan trọng trong lịch sử của Iran. Tại Hàn Quốc, trong những năm gần đây, giới khảo cổ học đã phát hiện nhiều hiện vật đặc sắc thời Silla (57 TCN-935) có niên đại cách ngày nay khoảng 1000-1200 năm. Điểm đáng chú ý là thiết kế của chúng có nhiều điểm tương đồng với các di vật được tìm thấy tại Ba Tư cùng thời kỳ. Trên cơ sở phân tích sử liệu và so sánh, tổng hợp các kết quả nghiên cứu lịch sử, khảo cổ học, bài viết tập trung làm rõ quan hệ giao lưu văn hóa cũng như ảnh hưởng của văn minh Ba Tư đến Hàn Quốc thời kỳ cổ trung đại, tập trung vào sự liên hệ giữa đế chế Sasanian và vương quốc Silla.</i></p> <p>ABSTRACT: Persian civilization during Sasanian period (224-651) was a landmark in Iran history. In Korea, in recent years, archaeologists have discovered various unique artifacts from the Silla period (57 BC - 935) dating about 1000 ~ 1200 years ago. Worthnotingly, their design claims similarities with relics found in Persia in the same period. Upon historical data analysis and comparison and synthesis of historical and archaeological findings, the article focuses on clarifying cultural relations as well as the influence of Persian civilization on Korea during the medieval period, focusing on the relationship between the Sasanian empire and the Silla kingdom.</p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đế chế Sasanian (224-651) thuộc nền văn minh Ba Tư đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và điều hành một phần của Con đường tơ lụa. Con đường Tơ lụa bao gồm một hệ

thống các tuyến đường thương mại trải dài từ Trung Quốc đến Địa Trung Hải, nối liền các nền văn minh lớn, hình thành mạng lưới chia sẻ hàng hóa, kiến thức và cả văn hóa. Trong lịch sử phát triển Con đường tơ lụa, đế chế Sasanian

(*) ThS. Trường Đại học Phenikaa, ngoc.trantung@phenikaa-uni.edu.vn

đã tận dụng lợi thế địa lý của vùng Mesopotamia (khu vực ngày nay thuộc Iran và Iraq) để trở thành một trung tâm quan trọng trên tuyến đường này. Đế chế Sasanian cũng đóng vai trò là một trung gian quan trọng trong việc trung chuyển hàng hóa từ các vùng lân cận như Ấn Độ, Trung Quốc và các vùng đất Byzantine và Hy Lạp, tạo điều kiện cho dòng hàng hóa như lụa, gia vị, kim loại quý, đá quý và hàng dệt may được lưu thông.

Con đường tơ lụa không chỉ tạo thuận lợi cho thương mại mà còn thúc đẩy trao đổi văn hóa và trí tuệ giữa đế chế Sasanian và các nền văn minh khác dọc theo tuyến đường. Các yếu tố tôn giáo, nghệ thuật và công nghệ được lan truyền đi cùng với hàng hóa thương mại, dẫn đến sự trao đổi đa văn hóa và truyền bá kiến thức. Không thể phủ định vai trò của đế chế Sasanian trong việc truyền bá văn hóa Ba Tư đến những vùng đất xa xôi, trong đó có bán đảo Triều Tiên, vùng đất tận cùng về phương Đông của lục địa Á - Âu. Dựa trên kết quả nghiên cứu lịch sử đặc biệt là khảo cổ học, một số nhà nghiên cứu đặt ra giả thuyết điểm nút của Con đường Tơ lụa không kết thúc ở Trường An mà kéo dài đến bán đảo Triều Tiên [8, tr.41-76]. Trong thời cổ trung đại, các bằng chứng khảo cổ cho thấy sự hiện diện của những hàng hóa có xuất xứ từ vùng Trung Đông tại vương quốc Silla. Việc trao đổi hàng hóa, ý tưởng và ảnh hưởng văn hóa dọc theo Con đường Tơ lụa đóng một vai trò quan trọng trong việc định hình nền kinh tế, văn hóa và tín ngưỡng tôn giáo của Silla trong thời kỳ đó.

Vị trí địa lý của Silla đã định vị nó như một cửa ngõ giữa Đông Á và phần còn lại của Con đường Tơ lụa. Mặc dù Silla không kiểm soát các tuyến đường bộ chính của Con đường Tơ lụa, nhưng nó đóng vai trò là điểm trung chuyển thương mại hàng hải giữa các nước Đông Á. Thông qua việc khảo cứu sử liệu và kế thừa thành quả từ các công trình nghiên cứu đi trước, bài viết tập trung vào hai vấn đề chính

bao gồm phân tích những ghi chép liên quan đến đế chế Sasanian và vương triều Silla, đồng thời xác định ảnh hưởng của văn minh Ba Tư đến Hàn Quốc thông qua các yếu tố văn hóa và một số hiện vật khảo cổ đã được khai quật.

2. NỘI DUNG

2.1. Những ghi chép liên quan đến Ba Tư và Hàn Quốc qua thư tịch cổ

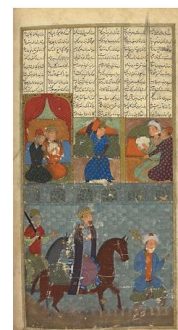
Ghi chép sớm nhất tại Hàn Quốc về Ba Tư được ghi nhận trong tác phẩm *Vãng ngữ Thiên Trúc quốc truyện* của nhà sư Hyecho (Huệ Siêu, 704-787). Hyecho là một cao tăng thời Silla, ông từng sang nhà Đường du học, sau đó từ Quảng Châu hành hương qua các vùng đất thuộc lãnh thổ Sri Lanka, Ấn Độ, Uzbekistan, Iran, Ả Rập ngày nay. *Vãng ngữ Thiên Trúc quốc truyện* là tác phẩm được ông rút lại từ những ghi chép trong chuyến đi này. “*Từ nước Thổ Hỏa La đi về hướng Tây thêm một tháng thì đến Ba Tư. Vua của nước ấy trước kia từng cai trị Đại Thực. Do đó mà Đại Thực xưa cũng như cái nhà chẵn thản lạc đà của vua Ba Tư, tuy nhiên sau này (Đại Thực) lại dấy con phản loạn, giết vua Ba Tư, tự lập làm chủ. Do đó, nước này bây giờ ngược lại bị sáp nhập vào Đại Thực. Người dân ở đây mặc y phục rộng dệt từ sợi và lông thú, cắt tóc cạo râu, chỉ ăn thịt và bánh mì. Kể cả khi có gạo họ cũng nghiền thành bột làm bánh mì. Đất này nhiều lạc đà, la, cừu và ngựa, có những con lừa vừa cao vừa lớn, nhiều vải vóc dệt từ sợi và lông thú, cùng nhiều bảo vật. Ngôn ngữ khác biệt, không giống với các nước khác. Tính cách người dân ưa việc mua bán, thường đi thuyền từ biển Tây xuống biển Nam, đi đến nước Su Tử mang về nhiều bảo vật. Cũng lại đi đến nước Côn Luân mang vàng về. Họ cũng lên thuyền sang Trung Quốc, đến tận Quảng Châu, mang về các thứ vải như vải lãng, tơ lụa, tơ sống, vải bông... Ở đất này có chừ vải dệt từ sợi lông mỏng, chất tốt. Người nước này ưa sát sinh, thờ phụng trời và không biết đến Phật pháp” [17, tr.341]. Đoạn văn trên được Hyecho*

ghi chép vào đầu thế kỷ VIII, khi nhà Sasanian - vương triều cuối cùng theo Bái hỏa giáo của Ba Tư - đã bị người Ả Rập tiêu diệt. Trong đó, Hyecho đã kể ra một số phong tục cũng như sản vật nổi tiếng của xứ Ba Tư trong đó tiêu biểu nhất là vải lông cừu, ngoài ra cho biết thêm quan hệ giao thương (chủ yếu qua đường biển) giữa Ba Tư với các nước khác bao gồm cả Trung Quốc. Đây cũng là những ghi chép cổ nhất của người Hàn Quốc đề cập đến vùng đất Ba Tư. Sau khi kết thúc chuyến hành trình, Hyecho không quay về Silla mà sống phần đời còn lại tại Trung Quốc. Do vậy, hầu như không có khả năng thông tin về xứ Ba Tư được ghi chép trong *Vãng ngữ Thiên Trúc quốc truyện* truyền lại tới người dân Silla.

Vào khoảng năm 846-885, nhà địa lý lỗi lạc người Ba Tư Ibn Khordadbeh trong cuốn *Cẩm nang về các con đường và các vương quốc* (Kitāb al-Masālik wa-l-Mamālik, كِتَابُ الْمَسَالِكِ وَالْمَمَالِكِ) đã giới thiệu về Silla như sau: (A) Ở phía đối diện của Qānsu vùng đất tận cùng bên rìa của Trung Quốc có một đất nước nhiều núi non gọi là Silla. Nước ấy được chia thành nhiều thành quốc. Ở nơi ấy có rất nhiều vàng. Những tín đồ Islam đến và định cư tại nước này nói lại lý do (họ định cư tại đây) bởi nhiều điểm có lợi. Tuy nhiên, không ai biết được rằng vượt qua khỏi đất nước ấy sẽ có thứ gì; (B) Đất nước Silla nằm ở tận cùng bên rìa của Trung Quốc có rất nhiều vàng. Những tín đồ Islam cập bến vào đất nước này, bị lôi cuốn bởi vẻ đẹp của nó mà định cư lại, không quay về nữa [10, tr.518]. Trong hai đoạn văn ngắn kể trên, đoạn (B) trình bày lặp lại các ý cơ bản của đoạn (A) với một số từ khóa như “tận cùng bên rìa của Trung Quốc”, “rất nhiều vàng”, “nhiều núi non”. Đây đều là những thông tin xác thực về đất nước Silla, chỉ có thông tin “nhiều tín đồ Islam đến định cư” cần có thêm nhiều khảo cứu kỹ lưỡng hơn.

Thế kỷ X, Sulaimān at-Tājir, một thương nhân đến từ vùng Siraf (miền nam Iran ngày

nay) đã đi đến Ấn Độ, Bengal, Trung Quốc... và tường thuật lại nội dung những chuyến đi của mình trong tác phẩm *Sách hướng dẫn về Trung Quốc và Ấn Độ* (Akhhbār al-Ṣīn wa 'l-Hind). Trong đó, ông đã kể lại một số điều nghe được về Silla thông qua những người cộng sự như sau: “Có những hòn đảo gọi là Silla nằm ở bờ biển (của Trung Quốc). Người dân ở đó có nước da trắng. Họ thường cống nạp nhiều tặng phẩm cho hoàng đế Trung Quốc. Họ nói rằng nếu không làm như vậy thì trời sẽ nổi giận và không cho mưa xuống. Trong số những cộng sự của tôi, không có ai từng đi đến nơi ấy nên không thể nghe ngóng được tin tức gì về họ. Họ có những con chim ưng màu trắng [10, tr.519]. Thông tin được Sulaimān at-Tājir kể lại trong sách là được thu thập gián tiếp thông qua lời kể từ những người khác. Silla được ghi nhận như một (hoặc nhiều) hòn đảo, thông tin này không chính xác bởi Silla nằm ở phía nam bán đảo Triều Tiên. Sai sót này hoàn toàn có thể lý giải được bởi lúc bấy giờ Silla không có biên giới trên đất liền với Trung Quốc, các hoạt động giao thông được thực hiện qua đường biển, do đó, người ta đã nhầm lẫn nó là một hòn đảo. Những thông tin còn lại được tác giả đưa ra chính xác, đó là thú săn chim ưng của người Silla và quan hệ triều cống giữa Silla và Trung Quốc.



Hình 1. Abtin đến Silla (niên đại 1108-1111) [1]

Vào khoảng năm 1108-1110, Iranshah (cũng chép là Iranshan) ibn Abu'l-Khayr đã viết tác phẩm sử thi *Kushnameh* (کوش نامه). Bản thảo chép tay được thực hiện bởi Mohammad b.

Sa'id b. Abdollah al-Qadari, hiện lưu trữ tại British Library [7, tr.12]. Một phần lớn nội dung của sử thi này đề cập đến một đất nước láng giềng của Trung Quốc gọi là Besilā (بسیلا, cũng đọc là Basilā), cũng chính là nước Silla nằm ở phía đông nam bán đảo Triều Tiên ngày nay. Nội dung của sử thi được truyền miệng và đến năm 1998, được học giả Matini người Iran biên soạn thành sách. Đến tháng 7-2010, trong một cuộc hội thảo tại Bảo tàng Quốc gia Iran, những nghiên cứu sơ bộ về cuốn sách mới được công bố [5, tr.104]. Nhân vật chính của sử thi là vị hoàng tử lưu vong người Ba Tư Abtin (آبتین). Thông qua các thương nhân Trung Quốc, Abtin đã viết thư gửi đến hoàng đế Trung Quốc lúc bấy giờ là Bahak để bày tỏ hoàn cảnh khó khăn của mình, đồng thời tìm kiếm sự giúp đỡ. Bahak bày tỏ sự đồng cảm với Abtin nhưng lo lắng về việc bị báo thù một khi tiếp nhận những người Ba Tư vong quốc, thay vào đó, ông giới thiệu vua Taihur của nước láng giềng Silla cho Abtin. Silla được giới thiệu là một vùng đất tươi đẹp như thiên đường, không bị kẻ thù xâm lược. Theo đó, Abtin bắt đầu lên đường sang Trung Quốc sau đó vượt biển đến Silla. Tại đây, Abtin nhận được sự tiếp đón nồng hậu từ nhà vua Silla Taihur. Vua Taihur coi trọng Abtin, thường cùng chàng săn bắn, đàm luận chính sự. Khi nghe Abtin bày tỏ lo ngại về khả năng Silla sẽ gửi trả những người Ba Tư quay lại Trung Quốc, Taihur đã nhấn mạnh với chàng rằng, người Silla không bao giờ phản bội bạn bè, đồng thời từ rất lâu trước đó Silla và Ba Tư đã có sự giao thương thông qua đường biển. Sau đó, vua Taihur quyết định gả công chúa Farārang (فرانگ) cho Abtin. Abtin và Farārang sinh được một người con trai đặt tên là Farīdūn (فریدون). Một thời gian sau, Abtin quyết định trở về cố quốc, thay vì chọn đường bộ nhiều nguy hiểm, chàng quyết định chọn đường biển với sự giúp đỡ của những thủy thủ lão luyện người Silla. Tuy nhiên sau đó, Abtin bị bắt và bị sát hại bởi bạo chúa Zahāk (زحاک). Farīdūn đã

đứng lên lãnh đạo quân lính trả thù cho cha và trở thành anh hùng được người dân Ba Tư tôn kính. Farīdūn sau đó vẫn duy trì quan hệ tốt đẹp với đất nước Silla. Hai vương quốc cũng hợp tác về mặt quân sự để đẩy lùi kẻ thù chung là Trung Quốc.

Vương quốc Silla trong *Kushnameh* được miêu tả với vẻ đẹp như một vườn địa đàng trên trần thế. Ấn tượng đầu tiên về Silla thông qua Abtin cùng đoàn tùy tùng được ghi lại như sau: *Vào ngày thứ năm, họ đã đến thủ đô của Besilā. Không ai từng trông thấy bất cứ thành phố nào trên đời giống như Besilā. Chiều rộng và chiều dài của thành phố Besilā vào khoảng 2 parasang (~ 16 km), nơi đây đầy những khu vườn tràn ngập hương hoa nhài. Nơi đây giống như một thiên đường với đầy ắp các tiên nữ. Dòng nước trong mát từ bốn phương chảy về, có những cây bách mọc xen kẽ bên bờ suối. Đường phố và khu chợ được trang hoàng, những bức tường thành xây bằng đá xếp chồng lên nhau ngay ngắn đến nỗi không có thứ gì có thể chen vào các kẽ nứt. Chiều cao của tường thành cao đến độ con chim diều hâu bay một ngày cũng không tới đỉnh. Dưới chân tường thành là các hào nước, dòng nước đầy ắp đến nỗi giống như nước chảy từ biển Biển Đỏ chảy về. Dòng nước chảy qua, có đến hơn một trăm chiếc thuyền bè neo đậu. Khi người gác thành mở cổng, thành phố hiện lên giống như thể được một phần của thiên đường. Hương thơm tỏa ra từ thành phố khiến trái tim và tâm trí của con người trở nên lạc lối. Những kỵ binh dũng mãnh tiến về phía trước và tung vàng (đá quý) cho Abtin. Những khu phố và con đường lấp lánh, được trang trí bằng lụa dệt hàng Trung Quốc. Các nhạc công chơi những bản nhạc du dương trên mái nhà, tiếng hát và điệu nhạc vang lên khắp thành phố.* Theo đó, ấn tượng đầu tiên của đoàn người Ba Tư về vương quốc Silla là phong cảnh tươi đẹp và sự giàu có, hoa lệ của đất nước này. Nội dung miêu tả gọi lên hình ảnh của một vùng địa đàng nơi

trần thế, mở ra cho những con người mới đặt chân đến đây những trải nghiệm chưa từng có. Người Silla, tiêu biểu nhất là vua Tayhur đã tiếp đón đoàn người của Abtin với lòng hiếu khách và trọng đãi. Buổi yến hội được miêu tả với hơn 100 món sơn hào hải vị. Trong buổi yến hội, người ta sử dụng những thứ nhạc cụ làm từ vàng, hoa lệ như lông đuôi chim không tước [13, tr.73]. Những ghi chép này có nhiều tương đồng với khám phá khảo cổ học về vương quốc Silla - triều đại được biết đến với đỉnh cao về công nghệ chế tác vàng trong lịch sử Hàn Quốc. Silla còn được nhận định là một mắt xích quan trọng trên con đường giao dịch vàng thời kỳ cổ đại, nguồn vàng này thậm chí được xuất khẩu sang khu vực Trung Á và Tây Á [3, tr.156].

Trong thiên Kỳ dị của *Tam quốc di sự*, cuốn sử liệu được nhà sư Nhất Nhiên (一然) biên soạn vào thế kỷ XIII, chép lại một câu chuyện kỳ dị thời vua Hiến Khang Vương của Silla. Nhà vua trong một lần dạo chơi ở bên Khai Vân, lúc trở về gặp mây mù kéo tới giữa ban ngày. Nhật quan cho rằng ấy là điềm biến của rồng nên khuyên vua làm việc tốt để giải trừ. Vua lệnh cho quan hữu ty xây chùa gần đó cho rồng. Rồng vui mừng dẫn theo 7 người con trai tới nhảy múa trước xa giá. Một trong số những người con trai ấy tên là Xử Dung theo vua về kinh đô giúp việc chính sự. Nhà vua trọng đãi Xử Dung, ban cho quan tước và mỹ nữ làm vợ [23]. Một điểm đáng chú ý liên quan đến câu chuyện là trong điệu múa Xử Dung còn lưu truyền đến ngày nay, người múa sẽ đeo một chiếc mặt nạ khắc họa hình ảnh nhân vật Xử Dung. Nhân vật này nước da ngăm, râu tóc rậm có những đặc điểm về ngoại hình hoàn toàn khác biệt với người Hàn Quốc, gợi nhiều điểm tương đồng với người khu vực Tây Á. Địa điểm vua Hiến Khang Vương gặp Xử Dung thuộc vùng cảng Ulsan ngày nay trước kia là khu vực hải cảng giao thương giữa Silla và nhà

Đường. Đồng thời, niên đại của câu chuyện vào cuối thế kỷ thứ IX là thời kỳ nổi ra loạn Hoàng Sào cuối thời Đường, do vậy, không loại trừ khả năng đoàn người của Xử Dung đã di chuyển tránh nạn đến Silla [15, tr.271].

Thông qua những khảo sát tư liệu văn hiến kể trên, có thể thấy những ghi chép về sự hiểu biết qua lại giữa người Silla và người Ba Tư còn nhiều hạn chế, một phần lớn trong số đó là những ghi chép mang tính chất sử thi, có sự hư cấu. Có nhiều nguyên nhân khác nhau để giải thích cho vấn đề này, trong đó có thể kể đến sự tàn phá của chiến tranh, làm thiêu hủy một bộ phận không nhỏ sử liệu về thời Tam quốc tại Hàn Quốc. Hai cuốn sử thành văn có niên đại sớm nhất còn được lưu giữ đến ngày nay là *Tam quốc sử ký* và *Tam quốc di sự* được biên soạn cách thời điểm vương triều Silla sụp đổ khoảng 300-400 năm. Tuy nhiên, với những ghi chép ít ỏi đó, có thể nhận định rằng, người Silla đương thời đã biết đến sự tồn tại của nền văn minh Ba Tư và ngược lại, người Ba Tư cũng đã biết đến vương quốc Silla nằm ở phía Đông của Trung Hoa.

2.2. Ảnh hưởng của văn minh Ba Tư thời đế chế Sasanian đến Hàn Quốc thời vương triều Silla qua hiện vật khảo cổ

Quá trình khai quật khảo cổ tại phía nam Hàn Quốc, làm phát lộ nhiều di vật đặc sắc thuộc thời kỳ vương quốc Silla. Các nhà khảo cổ học tìm thấy nhiều bằng chứng thể hiện mối quan hệ giao lưu văn hóa giữa Silla và các vùng văn hóa thuộc khu vực Tây Á bao gồm cả đế chế Ba Tư. Trong cuộc khai quật diễn ra trong 3 năm từ 1973-1975 tại di chỉ lăng mộ Hwangnam, các nhà khảo cổ đã tìm thấy hiện vật chén bạc có chiều cao 3,5 cm, đường kính khoảng 7 cm, ước tính niên đại từ khoảng cuối thế kỷ IV-V. Việc bố trí các hoa văn theo hình lục giác cùng hoa văn mai rùa mang dáng dấp của nghệ thuật tạo hình khu vực Tây Á. Đặc biệt, hình ảnh người phụ nữ được điêu khắc bán khỏa thân với lối trang trí kẻ mắt đậm có nhiều

điểm tương đồng với hình ảnh nữ thần Anāhitā (آناهیتا, nữ thần của nước, khả năng sinh sản và trí tuệ trong văn hóa Ba Tư) [4, tr.312]. Căn cứ trên họa tiết đồng vật được miêu tả có sự khác biệt so với phong cách Iran, Kwon Young-pil (1991) cho rằng, hiện vật này có thể đã được các nghệ nhân người Silla chế tác bằng cách sử dụng vật liệu của Iran và phỏng theo các họa tiết của Iran như hình ảnh nữ thần Anāhitā và thiết kế mai rùa [9, tr.8].



Hình 2. Chén bạc khắc hoa văn nổi [18]



Hình 3. Chén thủy tinh tại khu vực mộ phía bắc lăng Hwangnam [20]

Tại khu vực mộ phía bắc lăng Hwangnam, các nhà khảo cổ tìm thấy hiện vật chén thủy tinh màu, chế tác tinh xảo với niên đại khoảng thế kỷ V-VI (Hình 5). Chiếc chén cao 7 cm và đường kính 10,5 cm. Phần thân mở rộng ra ngoài để có thể nằm ngang, phần thân dưới hơi rộng hơn một chút theo hình bát cơm. Dựa vào thiết kế, các nhà khảo cổ cho rằng, hiện vật này không sản xuất tại Silla, nó có nguồn gốc từ phương Tây. Căn cứ trên kỹ thuật mài bề mặt thủy tinh, hiện vật được dự đoán xuất xứ từ đế chế Sasanian, sau đó đến Silla qua nhà Bắc Ngụy của Trung Quốc.

Năm 1973, cuộc khai quật ngôi mộ thứ 14 trên đường Gyerim, thành phố Gyeongju đã phát lộ hiện vật thanh gươm bằng vàng dài 36 cm, ước tính niên đại khoảng đầu thế kỷ VI.

Hiện vật đạt đến độ tinh xảo cao về kỹ nghệ chế tác vàng, trên thân có trang trí hoa văn sóng, hình lá nguyệt quế, đồng thời được khảm đá garnet cùng thủy tinh và các hạt vàng đã qua xử lý [18]. Hiện vật này có điểm tương đồng với thanh gươm được khai quật tại Borovoe thuộc Kazakhstan và dự đoán đã được chế tác tại khu vực quanh Biển Đen và Ba Tư. Hiện vật này làm dấy lên quan điểm ủng hộ cho sự tồn tại của hoạt động giao thương giữa Silla với Tây Á trong đó có Ba Tư [4, tr.313]. Năm 2014, trong chuyến khảo sát tại Hàn Quốc, giáo sư Mohammad Bagher Vosoghi (Khoa Lịch sử, Đại học Tehran) cho rằng, hiện vật này có xuất xứ từ đế chế Sasanian, ông đưa ra căn cứ dựa trên ba viên bảo thạch khảm trên chuôi gươm, tượng trưng cho ba tôn chỉ đạo đức của Bái Hỏa giáo - tôn giáo chính thức của Ba Tư thời đế chế Sasanian bao gồm: “*Nghĩ điều thiện, nói điều thiện, làm điều thiện*” [24].



Hình 4. Thanh gươm bằng vàng nạm ngọc [18]



Hình 5. Chén thủy tinh tại lăng mộ Hwangnam [18]



Hình 6. Chén thủy tinh thời kì Sasanian [21]



Hình 7. Cốc sừng trang trí đầu ngựa [18]



Hình 8. Phù điêu võ sĩ và sư tử đá [18]

Năm 1975, trong cuộc khai quật khu mộ cổ ở quận Dongnam, thành phố Busan, tại mộ số 7, các nhà khảo cổ tìm thấy hiện vật cốc sừng, điêu khắc hình đầu ngựa. Chiếc cốc lớn kích cỡ chiều cao 14,4 cm, chiều dài 17 cm, cốc nhỏ có kích cỡ chiều cao 12,1 cm, chiều dài 17 cm, tổng thể hình dạng và phương pháp chế tạo gần giống nhau [18]. Phong cách chạm khắc cốc dáng sừng có hình đầu thú được tìm thấy phổ biến trong các hiện vật khảo cổ thuộc nền văn minh Ba Tư. Cốc sừng ở Ba Tư có lịch sử từ thiên niên kỷ thứ IV TCN, được sử dụng trong các nghi lễ tôn giáo và đạt đến đỉnh cao về mặt thiết kế dưới thời kỳ đế chế Achaemenid. Các hiện vật cốc sừng thuộc thời kỳ đế chế Sasanian chủ yếu được chế tác từ gốm hoặc kim loại với hình đầu sơn dương, sư tử... [2. tr.75-78].

Trong di tích mộ hình vuông nằm ở phường Gujeong, thành phố Gyeongju, một bức phù điêu bằng đá niên đại khoảng thế kỷ IX-X thu hút được sự chú ý của giới nghiên cứu lịch sử và khảo cổ học. Bức phù điêu miêu tả hình ảnh người võ sĩ với đặc điểm nhận dạng thuộc về người Tây Á với đôi mắt sâu, mũi cao,

râu tóc quăn. Đáng chú ý là chiếc gậy có đầu cong trên tay người võ sĩ. Đây không phải là cây gậy thông thường mà được suy đoán là gậy sử dụng trong môn thể thao polo. Môn Polo hay còn gọi là Mã cầu (馬毬) xuất xứ từ Ba Tư với tên gọi *chowgān* (چوگان). Đây là môn thể thao rất được yêu thích tại các quốc gia nằm trên Con đường tơ lụa. Trong các sử liệu của Hàn Quốc, môn này được biết đến với tên gọi Kịch cầu (擊毬). Một điểm thú vị là trong Sử thi Kush Nameh, hoàng tử Abtin đã dạy môn bóng này cho vua Tayhur của Silla. Trên phương diện lịch sử, không có ghi chép rõ ràng môn Kịch cầu được du nhập từ khi nào, tuy nhiên, ghi chép đầu tiên về môn bóng này trong *Cao Ly sử* vào đầu thế kỷ thứ X cho thấy đây là môn thể thao được biết đến rộng rãi vào thời kỳ Silla thống nhất (668-935) hoặc có thể sớm hơn. Không chỉ có di chỉ mộ hình vuông nằm ở phường Gujeong, tượng điêu khắc đá mang dáng dấp của người Tây Á và tượng sư tử đá cũng xuất hiện tại lăng Nguyên Thánh Vương của Silla thuộc Gwaereung-ri, thành phố Gyeongju ngày nay.



Hình 9. Đồ án trang trí chim ngậm dây hoa thời Silla thống nhất [18]



Hình 10. Đồ án trang trí chim ngậm hoa thời Silla thống nhất [18], [22]

Đồ án trang trí hàm điêu văn (銜鳥文) miêu tả hình ảnh chim ngậm hoa, dây hoặc đồ trang trí. Loại hoa văn này có xuất xứ từ đế chế Sasanian,

theo Con đường Tơ lụa truyền đến Trung Hoa. Đồ án này được áp dụng trong nghệ thuật điêu khắc từ thời đại nhà Hán, thịnh hành thời nhà Đường. Qua giao lưu giữa Silla và nhà Đường, loại hoa văn này du nhập vào Silla, có thể có sự giao lưu trực tiếp với thương nhân Ba Tư. Đồ án trang trí hàm điều vẫn có thể phân loại theo số lượng chim (một hoặc hai) và vật ngậm (dây, hoa...). Các loại chim được khắc họa rất đa dạng, như phượng hoàng, thiên nga, én, và có thể tượng trưng cho phú quý, trường thọ, hay tình cảm vợ chồng [12, tr.68].



Hình 11. Đồ án lập thụ song điều thời Silla [19]



Hình 12. Đồ án lập thụ song điều thời Sasanian [21]

Bên cạnh đồ án trang trí hàm điều vẫn, đồ án trang trí hoa văn đối xứng, trong đó có hoa văn lập thụ song điều (立樹雙鳥文) có nguồn gốc từ Ba Tư cũng được tìm thấy tại Silla. Hoa văn lập thụ song điều là một dạng hoa văn đối xứng với một cái cây (Tree of Life) hoặc hoa ở giữa và hai con chim ở hai bên. Đây là một dạng hoa văn đối xứng phổ biến ở Ba Tư thời Sasanian, sau khi Hồi giáo du nhập, nó ít phổ biến hơn do quan điểm chống sùng bái ngẫu tượng. Loạt đồ án trang trí thiết kế đặc biệt làm

các phù điêu bằng đá tại Gyeongju cho thấy đã tồn tại một mối liên hệ đáng ngạc nhiên giữa các đồ án điêu khắc thời Silla và các đồ án điêu khắc tại Ba Tư. Nó đưa ra bằng chứng về khả năng đã từng có những người gốc Ba Tư định cư tại Silla - những người đã góp phần đạo nên môi trường đa văn hóa phong phú và đa dạng thời kỳ Silla thống nhất [14, tr.5].

Một bằng chứng khác, nhà sư người Nhật Chuusan (中算, ? - 969), trong tác phẩm *Điều pháp liên hoa kinh thích văn* đã xác nhận việc nuôi chim bồ câu có xuất xứ từ Ba Tư, truyền qua Silla sau đó tới Nhật Bản như sau: *(Chim bồ câu) Vốn dĩ ở Thiên Trúc được người Ba Tư đã đưa lên thuyền và mang đến nước Silla. Sư giả của Silla đã dâng chim bồ câu cho Nhật Bản và (người Nhật) nuôi chúng ở nhiều ngôi chùa khác nhau, ở chùa Đại An (大安寺) giống chim này vẫn còn chưa bị diệt. Nhà Đường chỉ có (chim bồ câu) màu xám và không có bốn màu còn lại.* [16, tr.276].

Hiện nay, kho lưu trữ hoàng gia Shoso-In, Nhật Bản có 45 tấm thảm dệt lông cừu, nguồn gốc từ Silla vào khoảng thế kỷ VIII, bao gồm 14 tấm thảm trơn và 31 tấm thảm có hoa văn. Đặc biệt, các tấm thảm này lưu giữ được nhãn hiệu, ghi rõ nơi, đơn vị sản xuất tại Silla. Hoa tiết palmette (lá cọ) trên các tấm thảm là một minh chứng thể hiện ảnh hưởng của thiết kế hoa văn thời kỳ Sasanian. Bên cạnh việc tuân thủ thiết kế hoa văn palmette của Ba Tư, người Silla đã bổ sung một số motif độc đáo như hoa mẫu đơn, một số loài thực vật bản địa... hình thành nên phong cách Silla [6, tr.153-178].



Hình 13. Vương miện Tillya Tepe (trái) và Vương miện Silla (phải) [19]

Bên cạnh những khám phá khảo cổ đã được giới nghiên cứu phân tích chuyên sâu, vẫn còn những điểm tương đồng đáng ngạc nhiên khác giữa các hiện vật thuộc hai nền văn hóa cần được nghiên cứu kỹ lưỡng hơn trong thời gian tới. Một ví dụ cụ thể trong số đó là thiết kế vương miện vàng thời Silla và vương miện Tillya Tepe được khai quật bởi các nhà khoa học Liên Xô tìm thấy tại phía bắc Afghanistan năm 1978. Vương miện Tillya Tepe được cho là một hiện vật thuộc thời kỳ đầu Đế quốc Kushan, thế kỷ I, hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Quốc gia Afghanistan. Giáo sư Shin Gyu-seop cho rằng, vương miện Tillya Tepe là nguyên mẫu của vương miện Silla và là một trong những ảnh hưởng trực tiếp của văn minh Ba Tư đến Hàn Quốc thời kỳ cổ đại [11, tr.160].

3. KẾT LUẬN

Các bằng chứng khảo cổ và văn hiến cho thấy, mặc dù đế chế Sasanian và vương triều Silla cách xa về địa lý, nhưng họ đã có mối quan hệ văn hóa và thương mại từ rất sớm. Nhiều di vật mang ảnh hưởng của Ba Tư đã được tìm thấy ở Hàn Quốc, chứng tỏ việc xuất

khẩu đồ vật từ Ba Tư qua con đường thương mại biển. Bên cạnh đó, nhiều hiện vật tại Hàn Quốc còn được chế tác dựa trên các thiết kế hoa văn của Ba Tư. Thương gia và thợ thủ công Ba Tư cũng có thể đã đến giao thương và sinh sống tại Silla. Các thư tịch Ba Tư, mô tả Silla như một vương quốc giàu có, cảnh quan đẹp và con người hiếu khách. Sự tiếp xúc giữa hai nền văn hóa là minh chứng cho Con đường tơ lụa cổ đại. Trong bài viết, tác giả bước đầu phân tích những tư liệu thành văn và hiện vật khảo cổ để chứng minh cho mối quan hệ giao lưu văn hóa giữa Ba Tư và Hàn Quốc thời kỳ cổ đại tập trung vào giai đoạn đế chế Sasanian và vương quốc Silla. Về hướng nghiên cứu mở rộng trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tiếp tục khai thác thêm các tư liệu lịch sử đặc biệt về vai trò trung gian của Trung Hoa (thời nhà Đường) trên con đường giao lưu văn hóa giữa Ba Tư và Hàn Quốc, từ đó cung cấp thêm những góc nhìn chuyên sâu hơn về mặt so sánh mỹ thuật học cùng những phát hiện mới nhất về khảo cổ học hay sử liệu học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Daryoosh Akbarzadeh (2022), *Portrait of the people of Silla according to the Persian texts*, Art History & Criticism, Vol.18, 162-173.
- [2] Fatemeh Maleksabet & Mehrnoosh Sakenyandehkordi (2021), *Comparative Study of the Form and Shapes of Sassanid and Parthian Rhytons*, International Journal of Applied Arts Studies. IJAPAS6(2) (2021) 71–80.
- [3] Hassan Bastani Rad (2022), *Silla (Korea) and Persia (Iran) along the Gold Roads, Emphasizing Iranian Sources*, The Review of Korean Studies, Vol.25(1), 141-166.
- [4] Hee-soo Lee (2020), *Korea and the Muslim World A Historical Account*. Istanbul: Organisation of Islamic Cooperation Research Centre for Islamic History, Art and Culture.
- [5] Hong-nam Kim (2017), *An analysis of the early unified Silla bas-relief of pearl roundel, tree of life, peacocks, and lion*, Journal of Silla Cultural Studies, Vol.10, 5-43.
- [6] Hyun-jin Cho (2022), *A Study on the Relationships between the Palmette Patterns on Carpets of Sassanid Persia and Silla Korea*, Acta Via Serica, Vol. 7, No.2, 153–178.
- [7] Iranshah ibn Abu'l-Khayr (2022), *The Kushnameh*, Kaveh L. Hemmat translated, University of California Press, California.

- [8] Si-nae Kim (2022), *The last destination of Southern Sea Road, Korean Peninsula, Journal of Goshan Chinese Studies*, Vol.5, 41-76.
- [9] Young-pil Kwon (1991), *Ancient Korean Art and Central Asia*, Korea Journal, Vol.31(2), 5-20.
- [10] 고운기 (2014), <쿠쉬나메> 연구 서설, 동아시아고대학, 제34집, 507-544.
- [11] 신규섭 (2016), 고대 한·중국과 페르시아 지역 간의 문명교류 단상(斷想), 한중미래연구, Vol.7, 149-171.
- [12] 申淑 (2010), 統一新羅와 唐의 銜鳥文研究, 미술사연구, Vol.24, 61-85.
- [13] 이희수 & 다르유시 아크바르자데 (2014), 쿠쉬나메, 청아출판사, 서울.
- [14] 이희수 (2010), 고대 페르시아 서사시 쿠쉬나메(Kush-nameh)의 발굴과 신라 관련 내용, 한국이슬람학회논총, 제20-3집, 99-113.
- [15] 임평섭 (2022), 아랍-페르시아와 신라의 교류, 신라문화, Vol. 60, 253-279.
- [16] 최광식 (2022), 신라의 '船府'와 해상 실크로드, 韓國史學報, Vol.89, 265-296.
- [17] 혜초 (2008), 왕오천축국전, 정수일 역주, 학고재, 서울.
- [18] Gyeongju National Museum (2023), <https://gyeongju.museum.go.kr/>, ngày truy cập: 10-8-2023.
- [19] Korea Heritage Service (2023), <https://www.heritage.go.kr/>, ngày truy cập: 10-8-2023.
- [20] National Museum of Korea (2023), <https://www.museum.go.kr/>, ngày truy cập: 10-8-2023.
- [21] The Metropolitan Museum of Art (2023), <https://www.metmuseum.org/>, ngày truy cập: 10-8-2023
- [22] Yeungnam University Museum (2023), <https://www.yu.ac.kr/enmuseum/index.do>, ngày truy cập: 15-8-2023.
- [23] 국사편찬위원회 (2023), 『삼국유사』. 「권 제2 기이(紀異第二)」, “처용랑 망해사(處容郎望海寺)”. https://db.history.go.kr/id/sy_002r_0010_0140_0020, ngày truy cập: 10-8-2023.
- [24] 이상문 (2019), 해양실크로드로 이어온 `신라와 페르시아의 교류 흔적 고스란히. <http://www.kbsm.net/news/view.php?idx=240943>, ngày truy cập: 15-8-2023.